

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - VĨNH LONG**

Bản án số: 02/2025/DS-ST

Ngày: 10-7-2025

V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thạch Thanh Long.

Ông Nguyễn Văn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thúy Lam - Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 392/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 114/2025/QĐST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2025 và Thông báo về việc dời ngày mở phiên tòa số 39/TB-HĐXXST ngày 30 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị V, sinh năm: 1969 (*Có mặt*).

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nay là ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1965 (*Vắng mặt không lý do*).

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nay là ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07-8-2024, bản tự khai ngày 02-6-2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lâm Thị V trình bày:

Vào ngày 10-3-2021 âm lịch (ngày 19-4-2021 dương lịch), bà làm đầu thảo có mở dây hụi tháng 1.000.000 đồng, gồm 18 phần, hụi khui mỗi tháng một lần theo hình thức bỏ thăm, ai kêu thăm cao thì được hót hụi, đầu thảo hưởng hoa hồng 300.000 đồng/lần khui hụi, bà có lập sổ hụi, có giao danh sách hụi cho hụi viên giữ.

Giao kết trong vòng 05 ngày sau khi khai thì các hội viên phải đóng tiền hội đầy đủ để đầu thảo giao tiền cho người được hốt. Đến lần khai thứ tư ngày 10-6-2021 âm lịch, bà Nguyễn Thị C tham gia chơi 01 phần, kêu hội 260.000 đồng thì trúng thăm, đến ngày 15-6-2021 âm lịch bà đã giao đủ tiền hội (sau khi trừ hoa hồng đầu thảo) cho bà C nhận là 10.060.000 đồng, bà C có ký biên nhận nhận tiền với bà. Sau khi hốt, bà C có đóng lại hội chết được 01 lần. Từ lần khai thứ sáu (ngày 10-8-2021 âm lịch, ngày 19-9-2021 dương lịch) cho đến mãn hội ngày 19-9-2022 thì bà C không đóng hội chết nữa. Nên bà phải xuất tiền riêng của bà chàng hội thay cho bà C 13 lần bằng 13.000.000 đồng. Sau đó, bà có đòi nhiều lần, đến ngày 23-01-2024 bà C trả được 500.000 đồng và ngày 29-5-2024 âm lịch trả thêm được 1.000.000 đồng thì bà C không trả nữa đến nay. Nên bà khởi kiện yêu cầu bà C trả cho bà tiền nợ của đây hội này là 11.500.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo triệu tập của Tòa cho bị đơn bà Nguyễn Thị C tại địa chỉ ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nay là ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long), nhưng bà C đều không đến Tòa trong các buổi mời làm việc. Qua xác minh với chính quyền địa phương ấp A C1 cho biết từ trước nay bà C có đăng ký thường trú và vẫn đang sinh sống tại địa phương này. Bà C đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, bà V có mặt giữ nguyên yêu cầu bà C trả số tiền nợ hội 11.500.000 đồng. Đối với bà C vắng mặt nên không có lời trình bày. Các đương sự không không giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này, Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng đã thực hiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Việc chấp hành pháp luật của đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, đối với nguyên đơn bà A đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; Đối với bị đơn bà C không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Vị đề nghị căn cứ vào quy định tại các Điều 357, 468, 471 của Bộ luật Dân sự; các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; các Điều 16, 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu phượng: Chấp nhận yêu cầu

khởi kiện của bà Lâm Thị V; Buộc bà Nguyễn Thị C phải trả cho bà V số tiền nợ hui là 11.500.000 đồng; Trường hợp bà C chậm trả tiền thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Ngoài ra, V1 đề nghị nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Bà Lâm Thị V có đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị C trả tiền nợ hui. Nên đây là tranh chấp hợp đồng góp hui, được quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015. Đối với bà C có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nay là ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long). Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long (Trước đây là Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh) thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] *Về xác định tư cách người tham gia tố tụng:* Bà V khởi kiện yêu cầu một mình bà C trả tiền nợ hui. Nên xác định bà V là nguyên đơn, bà C là bị đơn. Các đương sự không tranh chấp hay yêu cầu gì với ai khác trong cùng vụ án, nên không phát sinh thêm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] *Về thủ tục tố tụng:* Đối với bà C là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo triệu tập đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên đối chất, nhưng bà C đều vắng mặt. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà C tham gia phiên tòa xét xử vụ án đến lần thứ hai, nhưng bà C vẫn vắng mặt không lý do. Nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà C theo luật định.

[4] *Về phần yêu cầu đòi tiền nợ hui của bà V:*

Theo Điều 6 và Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định nghĩa vụ chứng minh là nghĩa vụ của các bên đương sự. Nguyên đơn bà V yêu cầu bị đơn bà C trả tiền hui còn nợ là 11.500.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà V có nộp cho Tòa án Danh sách hui viên của dây hui tháng 1.000.000 đồng mở ngày 10-3-2021 âm lịch và Biên nhận đề ngày 15-6-2021 âm lịch (nội dung bà C ký tên xác nhận có nhận tiền hót hui). Các chứng cứ này thể hiện giữa bà V với bà C có thỏa thuận giao dịch hui với nhau, trong đó bà V là đầu thảo, bà C là hui viên (tham gia chơi từ lần khai thứ tư). Quá trình giao dịch hui, bà V đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của chủ hui là gom tiền, giao tiền hót hui cho bà C. Nhưng bà C đã vi phạm nghĩa vụ của hui viên là không đóng đầy đủ tiền hui chết sau khi đã hót hui cho bà V.

Ngày 30-5-2025, Tòa án đã tiến hành xác minh với chính quyền địa phương ấp A; Đồng thời, một số hội viên trong dây hội cùng có văn bản xác nhận việc họ tham gia giao dịch hội chung với bà C trong dây hội tháng 1.000.000 đồng mở ngày 10-3-2021 âm lịch do bà V làm đầu thảo, các hội viên có đóng tiền hội đầy đủ để bà V giao tiền hốt hội cho bà C nhận xong, nhưng bà C chưa đóng lại tiền hội chết nên bà V phải xuất tiền riêng choàng hội thay, được chính quyền địa phương ấp A C1 xác nhận là sự thật (Các bút lục số 34, 35 trong hồ sơ vụ án). Đối với bà C, quá trình tố tụng hồ sơ vụ án, đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa, biết rõ việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án bà V kiện đòi tiền hội với bà C, được tổng đạt thông báo yêu cầu giao nộp chứng cứ, nhưng bà C cố tình trốn tránh không đến Tòa, không gửi văn bản trình bày ý kiến cũng không nộp bất kỳ chứng cứ nào phản bác yêu cầu của bà V. Như vậy, bà C đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của bà trong vụ án này.

Theo khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”* và tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự cũng quy định *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*.

[5] Từ đó, có cơ sở xác định bà C là hội viên có tham gia giao dịch dây hội tháng 1.000.000 đồng mở ngày 10-3-2021 âm lịch do bà V làm đầu thảo, bà C đã hốt hội, nhận đủ tiền hội, có đóng lại hội chết và ngừng đóng hội chết từ lần khai thứ sáu đến lần khai thứ mười tám mần hội (13 lần), đây là sự thật. Các bên giao kết hợp đồng góp hội đều là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện và nội dung, mục đích của hợp đồng góp hội không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên hợp đồng này là hợp pháp theo quy định tại các Điều 117, 280, 471 Bộ luật Dân sự. Bà C đã vi phạm nghĩa vụ của hội viên, không góp tiền hội chết đầy đủ cho chủ hội là bà V, bà V đã phải đóng hội thay cho bà C để duy trì dây hội, chính sự vi phạm nghĩa vụ của bà C đã trực tiếp gây thiệt hại đến quyền lợi của bà V, nên bà C có nghĩa vụ phải trả lại cho bà V số tiền hội đã đóng thay là 11.500.000 đồng theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu phường.

[6] Từ những phân tích trên, cần chấp nhận yêu cầu của bà V; Buộc bà C phải có trách nhiệm trả cho bà V số tiền hội còn nợ là 11.500.000 đồng.

[7] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Yêu cầu của bà V được chấp nhận, nên bà không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã đóng. Đối với bà C, theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án chỉ có thông tin năm sinh của bà C là năm 1965, nhưng bà C không cung cấp giấy tờ tùy thân nên không có cơ sở để xác định bà có phải thuộc diện người cao tuổi, bà C cũng không có đơn đề

ngiht miễn, giảm tiền án phí theo quy định pháp luật, nên bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5% trên số tiền nợ phải trả cho bà V.

[8] Xét quan điểm của Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 70, 91, 144, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 117, 280, 351, 357, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26, điểm b Tiểu mục 1.3 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; các Điều 16, 17, 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, biểu phưong; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị V.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị C phải trả cho nguyên đơn bà Lâm Thị V số tiền hui còn nợ trong đây hui tháng 1.000.000 đồng mở ngày 10-3-2021 âm lịch là **11.500.000đ (Mười một triệu năm trăm nghìn đồng).**

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị C phải nộp là 575.000đ (Năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Lâm Thị V số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004724 ngày 23 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 11 - Vĩnh Long;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Vĩnh Long;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Thảo